

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 11 – 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon.
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bình T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1976.

Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp. Anh N và Chị T vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Nguyễn Bình T trình bày:*

Vào ngày 05/3/2018, Anh Nguyễn Bình T có cho Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 0,8%/tháng, mục đích vay để mua đất và mua nhà (nhưng cụ thể họ có mua đất và mua

nhà hay không, thì Anh Nguyễn Bình T không rõ), khi vay không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể, nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói với nhau là vay đỡ vài tháng sẽ trả. Khi vay Anh Nguyễn Bình T, Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T có làm Tờ vay nợ đề ngày 05/3/2018. Tờ vay nợ đề ngày 05/3/2018 do Anh N viết, viết tại nhà Anh N và Chị T. Sau khi viết xong thì Anh T, Anh N và Chị T thống nhất ký tên. Từ ngày 05/3/2018 đến tháng 5/2018, Anh N và Chị T đóng lãi cho anh được 02 lần, mỗi lần 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), tổng cộng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), Anh N và Chị T đóng lãi cho Anh T cụ thể vào ngày nào thì anh không nhớ, anh chỉ nhớ có một lần Anh N trực tiếp đóng lãi cho anh và một lần Chị T trực tiếp đóng lãi cho anh, việc Anh N và Chị T đóng lãi cho Anh T không làm biên nhận.

Từ tháng 5/2018 đến ngày 15/8/2019, Anh N và Chị T không trả cho anh thêm được khoản gốc lãi nào. Sau đó, Chị T có trao đổi với Anh T cho vợ chồng Chị T được trả dần, do vợ chồng Chị T không có khả năng trả hết nợ một lần cho Anh T. Nên ngày 15/8/2019, Anh T và Chị T có làm Tờ thỏa thuận đề ngày 15/8/2019, nội dung thỏa thuận Chị T liên đới với Anh N trả cho Anh T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Đến ngày 15/02/2020, Chị T sẽ trả cho Anh N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/tháng, và tiếp tục trả cho đến khi thanh toán hết số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tờ thỏa thuận ngày 15/8/2019, Anh T và Chị T không có thỏa thuận về việc trả lãi, mà chỉ thỏa thuận về việc trả nợ gốc. Do đó, việc thỏa thuận trả lãi giữa Anh T, Anh N và Chị T sẽ được tính theo thỏa thuận tại Tờ vay nợ đề ngày 05/3/2018.

Từ ngày 15/8/2019 đến nay, Chị T có trực tiếp trả tiền cho Anh T được 02 lần như sau:

Lần 1: Tháng 02/2020 (Anh T không nhớ trả vào ngày nào), Chị T trả cho Anh T số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Lần 2: Tháng 4/2020 (Anh T không nhớ trả vào ngày nào), Chị T trả cho Anh T số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Việc Chị T có trực tiếp trả tiền cho Anh T được 02 lần như nêu trên là trả tiền gốc, không phải trả lãi, việc trả tiền có làm biên nhận, các biên nhận này do Chị T giữ.

Từ đó đến nay, Chị T và Anh N không trả cho Anh T thêm được khoản tiền nào và không thực hiện theo Tờ thỏa thuận ngày 15/8/2019 giữa Anh T và Chị T.

Do biên nhận nhận 02 lần số tiền nêu trên Chị T giữ nên Anh T không xác định được Chị T trả cho Anh T số tiền gốc nêu trên cụ thể vào ngày nào.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 16/8/2020 của Chị T gửi cho Tòa án thì Chị T xác định như sau: Chị T trả cho Anh T được số tiền 7.000.000 đồng vào ngày 18/02/2020

và số tiền 8.000.000 đồng ngày 04/5/2020; Anh T thống nhất thời gian Chị T trả số tiền 7.000.000 đồng và 8.000.000 đồng như Chị T trình bày (Trường hợp, Chị T cung cấp được biên nhận Anh T có ký nhận tiền Chị T trả số tiền gốc nêu trên vào thời gian khác thì Anh T cũng thống nhất thời gian trả Chị T trả tiền theo biên nhận mà Chị T cung cấp).

Nay Anh Nguyễn Bình T yêu cầu Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T liên đới trả cho Anh T số tiền vay gốc là 485.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, Anh Nguyễn Bình T yêu cầu Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T liên đới trả cho anh số tiền lãi kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2018 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 trên số tiền gốc là 500.000.000 đồng; từ ngày 19 tháng 02 năm 2020 đến ngày 04 tháng 5 năm 2020 trên số tiền gốc là 493.000.000 đồng; Từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định trên số tiền gốc là 485.000.000 đồng; với mức lãi suất 0,8%/tháng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Chị Huỳnh Thị T có văn bản trình bày ý kiến như sau:*

Ngày 15/8/2020, Chị Huỳnh Thị T có ký tờ thỏa thuận thống nhất liên đới với Anh Huỳnh Văn N trả cho Anh Nguyễn Bình T số tiền 500.000.000 đồng đã nợ Anh T, thỏa thuận đến ngày 15/02/2020 Chị T sẽ trả cho Anh T số tiền là 10.000.000 đồng mỗi tháng, cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ.

Đến ngày 18/02/2020, do dịch covid-19 đang bùng phát, công việc làm ăn gặp khó khăn, Chị T có báo với Anh T xin trả số tiền đang có là 7.000.000 đồng. Ngày 04/5/2020, Chị T có báo với Anh T trả thêm 8.000.000 đồng/02 tháng. Anh T đồng ý. Đến ngày 04/7/2020, Chị T có báo với Anh T sẽ trả thêm 9.000.000 đồng/02 tháng, nhưng Anh T chỉ chấp nhận lấy 20.000.000 đồng/02 tháng, Chị T không có khả năng do tình trạng tài chính của gia đình gặp khó khăn.

Vì tình trạng dịch bệnh nên công việc làm ăn không được thuận lợi như lúc ký thỏa thuận, ngoài ra, bản thân Chị T còn nuôi chu cấp 02 đứa con đang học đại học tại thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Anh T yêu cầu Chị T trả số tiền 10.000.000 đồng là không có khả năng.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn Tiếp không có ý kiến trình bày.*

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Bình T.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 07/8/2020 của Anh Nguyễn Bình T (bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Anh Nguyễn Bình T (bản sao có chứng thực).
- Tờ vay nợ ngày 05/3/2018 (bản chính).
- Tờ thỏa thuận ngày 15/8/2019 (bản chính).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 67/0072 ngày 10/4/2019 của UBND xã 2 cấp cho Anh Nguyễn Bình T (bản sao có chứng thực).
- Đơn xin miễn tiền án phí ngày 13/8/2020 của Anh Nguyễn Bình T (bản chính).
- Đơn trình bày ý kiến ngày 16/8/2020 của Chị Huỳnh Thị T (bản chính viết tay).
- Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/8/2020 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2020 của Anh Nguyễn Bình T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh N và Chị T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Bình T yêu cầu Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T liên đới trả cho Anh T số tiền vay gốc là 485.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng). Đồng thời, Anh Nguyễn Bình T yêu cầu Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T liên đới trả cho anh số tiền lãi kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2018 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 trên số tiền gốc là 500.000.000 đồng; từ ngày 19 tháng 02 năm 2020 đến ngày 04 tháng 5 năm 2020 trên số tiền gốc là 493.000.000 đồng; Từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định trên số tiền gốc là 485.000.000 đồng; với mức lãi suất 0,8%/tháng.

Xét thấy, Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T là vợ chồng, cùng thỏa thuận vay của Anh Nguyễn Bình T số tiền 500.000.000 đồng, với lãi suất 0,8%/tháng, được Chị T thừa nhận và được thể hiện tại Tờ vay nợ ngày 05/3/2018, cùng với Tờ thỏa thuận ngày 15/8/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Anh N, nhưng Anh N không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Anh T. Từ ngày Anh N và Chị T vay số tiền nêu trên đến nay, Anh N và Chị T chỉ trả cho Anh T được số tiền gốc là 7.000.000 đồng vào ngày 18/02/2020 và số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 04/5/2020. Ngoài ra, việc thỏa thuận lãi giữa Anh T, Anh N và Chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh T về việc yêu cầu Anh N và Chị T liên đới trả số tiền gốc và lãi nêu trên là phù hợp.

Lãi được tính như sau:

Lãi từ ngày 05 tháng 6 năm 2018 đến ngày 18 tháng 02 năm 2020 (20,4 tháng) trên số tiền gốc là 500.000.000 đồng là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 20,4 \text{ tháng} \times 0,8\%/\text{tháng} = 81.600.000 \text{ đồng}$.

Lãi từ ngày 19 tháng 02 năm 2020 đến ngày 04 tháng 5 năm 2020 (2,5 tháng) trên số tiền gốc là 493.000.000 đồng là: $493.000.000 \text{ đồng} \times 2,5 \text{ tháng} \times 0,8\%/\text{tháng} = 9.860.000 \text{ đồng}$.

Lãi từ ngày 05 tháng 5 năm 2020 đến ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định (ngày 16/11/2020) (6,37 tháng) trên số tiền gốc là 485.000.000 đồng là: $485.000.000 \text{ đồng} \times 6,37 \text{ tháng} \times 0,8\%/\text{tháng} = 24.715.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc lãi là: $485.000.000 \text{ đồng} + 116.175.500 \text{ đồng} (81.600.000 \text{ đồng} + 9.860.000 \text{ đồng} + 24.715.500 \text{ đồng}) = 601.175.500 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Bình T, buộc Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T phải trả số tiền còn nợ gốc, lãi là 601.175.500 đồng, nên Anh N và Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Bình T.

Buộc Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T liên đới trả cho Anh Nguyễn Bình T số tiền vay gốc là 485.000.000 đồng và lãi là 116.175.500 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 601.175.500 đồng (sáu trăm lẻ một triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Anh Huỳnh Văn N và Chị Huỳnh Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.047.000 đồng (hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn).

Anh Nguyễn Bình T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện 3;
- Chi cục THADS huyện 3;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký)**

Trần Thị Bạch Phiến